

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐH
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST

Ngày: 12-02-2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐH, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thoại;

2. Ông Hoàng Việt Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị: Bà Trương Thị Lâm Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố ĐH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 14/2017/TLST-KDTM ngày 05 tháng 10 năm 2017, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-KDTM ngày 02/ 01/ 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐST-KDTM ngày 22/01/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam;

Trụ sở đóng tại: Số 270 - Quốc lộ 9, Phường 1, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T - Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Hải A, sinh năm: 1993; địa chỉ: Khu phố 5, Phường 1, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị (văn bản ủy quyền đề ngày 31/10/2017). Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L;

Địa chỉ: Khu phố LK, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2017, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam (viết tắt: Công ty N) và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/01/2015, Công ty N có ký kết hợp đồng mua bán sản phẩm số 0392015/HDNK với bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Khu phố LK, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định về mua bán các sản phẩm thuốc thú y thủy sản, hóa chất sử dụng trong nuôi trồng thủy sản.

Theo biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ, thời điểm xác nhận nợ từ ngày 25/8/2015 đến ngày 29/9/2015, bà L đã đồng ý xác nhận công nợ cuối cùng là 72.902.857 đồng. Tuy nhiên đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận thanh toán, nhưng phía bà L vẫn không trả nợ theo đúng thỏa thuận. Đã có nhiều lần Công ty N liên lạc và tìm gặp, nhưng phía bị đơn vẫn trốn tránh nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng.

Yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền 91.766.471, trong đó tiền gốc: 72.902.857 đồng, tiền lãi: 18.863.614 đồng (tạm tính từ ngày 30/9/2015 đến ngày 01/9/2017).

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn bà Đặng Thị Hải A xin rút phần về tiền lãi: 18.863.614 đồng. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là: Yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền 72.902.857 đồng cho Công ty N, theo Hợp đồng mua bán sản phẩm số 0392015/HDNK ngày 01/01/2015 và biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ, thời điểm xác nhận nợ từ ngày 25/8/2015 đến ngày 29/9/2015. Không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ vẫn không đến Tòa án để làm việc cũng như không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Tòa án nhân dân thành phố ĐH thụ lý, giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam là đúng thẩm quyền.
- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.
- Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ;
- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

Ngày 01/01/2015, Công ty N ký kết hợp đồng mua bán sản phẩm số 0392015/HDNK với bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Khu phố LK, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định về mua bán các sản phẩm thuốc thú y thủy sản, hóa chất sử dụng trong nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu đặt hàng của bị đơn bà Nguyễn Thị L. Thực hiện hợp đồng, Công ty N đã tiến hành giao hàng theo đúng yêu cầu của bị đơn. Tại biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ từ ngày 25/8/2015 đến ngày 29/9/2015 có ký xác nhận của bị đơn, thì công nợ đầu kỳ là 80.662.857 đồng, phát sinh tăng trong kỳ là 15.240.000 đồng, phát sinh giảm trong kỳ là 23.000.000 đồng, công nợ cuối kỳ là 72.902.857 đồng. Như vậy, Công ty N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả nợ số tiền hàng còn lại là 72.902.857 đồng hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và quy định tại Điều 50 Luật thương mại về nghĩa vụ thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị L thanh toán cho Công ty N số tiền là 72.902.857 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi, cụ thể là: 18.863.614 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về khoản tiền lãi là 18.863.614 đồng mà nguyên đơn đã rút.

[3] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch (72.902.857 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 50 Luật thương mại năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam số tiền 72.902.857 đồng (*Bảy mươi hai triệu chín trăm lẻ hai ngàn tám trăm năm mươi bảy đồng*).

Đình chỉ giải quyết về khoản tiền lãi là 18.863.614 đồng (*Mười tám triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm mười bốn đồng*) mà nguyên đơn đã rút.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 3.645.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam 2.294.161 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0008751 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố ĐH.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND TP ĐH;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Sơn